

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20-12-2022

V/v ly hôn giữa chị P, anh K

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc Mậu.
Bà Trần Thị Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số 99/2022/TLST - HNGĐ ngày 04-10-2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08-12-2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị P; sinh năm 1987

ĐKHKTT tại: Xóm 2, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Xóm 4, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Lê Đắc K, sinh năm 1981.

Nơi ĐKHKTT và cư trú tại: Xóm 2, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

3. Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Ông Vũ Đình T, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963.

Đều trú tại: Xóm 2, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt chị P, anh K, bà N. Ông T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 03-10-2022, bản tự khai ngày 05-10-2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị P trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 25-11-2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau kết hôn anh chị sinh sống và làm ăn tại xã T, huyện V. Tuy nhiên cuộc sống gia đình khó khăn về kinh tế, anh K hay uống rượu, không tu chí làm ăn dẫn đến hạnh phúc gia đình không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tháng 9-2011 chị đi lao động ở nước Nga để cải thiện kinh tế, cho con cái có điều kiện ăn học. Chị lao động ở Nga từ tháng 9-2011 đến tháng 8-2022 chị mới về nước, hiện nay chị đã chấm dứt hợp đồng lao động ở nước Nga về lao động và sinh sống tại Việt Nam. Trong thời gian chị đi lao động ở nước ngoài chị vẫn chăm lo cho con cái và gia đình anh K. Tuy nhiên, anh K ở nhà không thay đổi, không chịu lao động, suốt ngày uống rượu. Khi chị về nước thì chị và anh K đã bàn bạc đến việc ly hôn và chị làm đơn xin ly hôn với anh K vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng nên chị không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này nữa. Vì vậy, chị P xin được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Chị và anh K có 01 con chung là cháu Lê Thị B, sinh ngày 27-8-2009. Ly hôn chị P tôn trọng nguyện vọng của cháu B, cháu nhận ở cùng anh K nên chị đồng ý để anh K nuôi con và nhận mức cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/tháng đến khi cháu B trưởng thành, lao động tự lập được.

- Về tài sản chung, công nợ và các nội dung khác liên quan: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 12-10-2022, đơn hỗ trợ trách nhiệm nuôi con ngày 26-10-2022, bị đơn anh Lê Đắc K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của anh K về điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời gian vợ chồng sống hạnh phúc như chị P trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình, theo anh K, chị P khai có phần đúng, có phần sai, anh làm nghề thợ xây nên thu nhập cũng có hạn, anh có uống rượu nhưng không uống nhiều như chị P khai.

Chị P xin ly hôn, anh K xác định vẫn còn tình cảm với chị P và anh muốn cho con có đủ cả bố và mẹ nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị P đồng ý quay về thì anh hứa sẽ thay đổi bản thân, ít uống rượu đi và chịu khó làm ăn hơn. Vì vậy nguyện vọng của anh K là được đoàn tụ gia đình.

- Về con chung: Anh và chị P có 01 con chung là cháu Lê Thị B, sinh ngày 27-8-2009. Nếu phải ly hôn, anh nhận tiếp tục nuôi cháu B và yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con cùng anh là 3.000.000đ/tháng đến khi cháu B trưởng thành, lao động tự lập được. Từ khi chị P đi lao động ở Nga đến nay cháu Bích vẫn được anh nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Anh và chị P không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Anh K yêu cầu chị P hỗ trợ anh tiền nuôi con trong thời gian chị đi lao động ở nước Nga từ cuối năm 2011 đến nay là 11 năm với số tiền là 337.410.000 đồng gồm tiền ăn uống, sinh hoạt và học tập của cháu B gồm:

+ Tiền học bậc mầm non: 09 tháng x 720.000đ/tháng = 6.480.000 đồng; 04 năm học là: 6.480.000đ x 4 tháng = 25.920.000 đồng.

+ Tiền học Tiểu học: Sách vở: 896.000 đồng; tiền ăn bán trú 01 năm: 4.500.000đồng; các khoản 652.000 đồng; kỹ năng sống: 1.280.000 đồng; quỹ lớp, đội: 110.000 đồng; Tổng cả năm = 7.438.000 x 5 năm tiểu học = 37.190.000đồng.

+ Tiền học Trung học cơ sở là:

Tiền học phí: 2.000.000đ.tháng x 09 tháng = 1.800.000 đồng; 02 năm là 3.600.000 đồng.

Tiền nước uống: 90.000đ/09 tháng x 02 năm học = 180.000 đồng.

Tiền coi xe: 10.000đồng/tháng x 2 năm (09tháng/năm) = 180.000 đồng

Tiền BHYT học sinh: 567.220đ/năm x 02 năm học = 1.134.440 đồng

Bảo hiểm tự nguyện: 100.000đ/năm x 02 năm học = 200.000 đồng

Học thêm thu theo tháng thực học

Tổng 02 năm học là 10.300.000 đồng.

Tổng cả 03 cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở là: 73.410.000 đồng.

+ Tiền ăn và sinh hoạt hàng ngày trong 11 năm là: 2.000.000đ/tháng; 01 năm là 24.000.000đ x 11 năm = 264.000.000đ.

Những khoản tiền chị P để lại cho anh và gửi về: Trước khi chị P đi nước ngoài để lại cho anh 02 chỉ vàng; anh nhận số tiền bảo hiểm của chị P để lại từ bên Bảo hiểm xã hội huyện V là 13.000.000 triệu; chị P gửi cho mẹ anh là bà Đỗ Thị T số tiền 8.000.000 đồng, số tiền này bà T đã chi tiêu cho gia đình và cho cháu B. Ngoài ra, chị P không gửi trực tiếp cho anh bất kỳ khoản tiền nào mà chị P gửi qua bố mẹ đẻ của chị.

Về đóng tiền học cho cháu B:

Anh trực tiếp đóng tiền học cho cháu B trong thời gian cháu học mầm non và năm cháu B học lớp 1. Từ năm lớp 2 trở đi đến thời điểm chị P về nước thì mẹ đẻ chị P đóng, từ khi về nước chị P trực tiếp đóng các loại tiền học cho cháu B. Sau đó anh có đóng một vài lần nhưng anh không nhớ cụ thể.

Anh K xác nhận chị P có gửi tiền về chăm lo việc ăn học cho cháu B, nhưng anh vẫn giữ quan điểm yêu cầu chị P phải hỗ trợ anh tiền anh đã nuôi dưỡng cháu B trong thời gian chị đi lao động ở nước ngoài là: 337.410.000đ (Ba trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

* Người làm chứng là ông Vũ Đình T và bà Nguyễn Thị N cùng trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Vũ Thị P. Tháng 9-2011 chị P đi lao động ở nước Nga, đến

tháng 8-2022 chị về nước. Trong suốt thời gian chị P đi xuất khẩu lao động thì vợ chồng ông bà thay mặt con gái chăm lo cho cháu Lê Thị B, sinh ngày 27-8-2009 là con gái của chị P và anh K. Thời gian đầu chị P trực tiếp gửi tiền về cho anh K lo cho cháu B. Sau đó ông bà nghe chị P nói lại là mẹ chồng chị P bảo không gửi tiền trực tiếp cho anh K nữa vì có tiền anh K chỉ uống rượu và đã bị ngã vì uống rượu say phải đi bệnh viện điều trị. Sau đó chị P gửi tiền về nhờ vợ chồng ông bà lo cho cháu B ăn học, sinh hoạt và chăm lo các dịp lễ tết cho nhà anh K.

Bà N trực tiếp gặp cô giáo chủ nhiệm để nộp các khoản tiền ăn học cho cháu B từ năm học lớp 1 đến ngày chị P về nước; Sau này cháu B lớn thì thỉnh thoảng bà có đưa tiền cho cháu B tự nộp cho cô giáo. Thời điểm cháu B học mầm non bà N là người trực tiếp đưa tiền cho bà nội cháu B đi đóng cho cháu. Chị P lao động ở nước ngoài, thu nhập không cao nhưng luôn luôn chăm lo cho con ăn học. Hàng năm chị P đều gửi tiền về để lo cho cháu B ăn học, sinh hoạt, ông bà là người trực tiếp thay chị P để lo cho cháu. Tất cả các loại tiền học hành, sinh hoạt hay mua sắm đồ dùng học tập, vui chơi liên quan đến cháu B thì do chị P lo hết. Anh K không chăm chỉ lao động, thường xuyên uống rượu say sưa cả làng xóm đều biết. Cháu B phải sống xa mẹ là một thiệt thòi nên ông bà luôn thay mặt con gái là chị P chăm lo cho cháu B lúc nào cũng bằng bạn bằng bè để cháu không tủi thân. Ngoài khoản tiền đóng học và mua sắm, chăm lo cho cháu B thì tiền chị P gửi về cũng có khoản để chuyển cho gia đình anh K để chăm lo ăn uống hàng ngày cho anh K. Những ngày lễ, tết thì ông T trực tiếp đưa tiền và mua quà bánh sang cho gia đình anh K ăn lễ, tết, cả tiền mừng tuổi cho bà, cháu hàng năm. Khi anh K phải nhập viện vì uống rượu say bị ngã thì ông T là người mang tiền chị P gửi về đến cho anh K điều trị lần 1 là 5.000.000đ; lần 2 là 15.000.000đ. Bà N còn đi chăm sóc anh K một thời gian.

Vì vậy ông bà rất phản đối việc anh K yêu cầu chị P phải hỗ trợ nuôi con với số tiền rất lớn mà anh K cho là tiền nuôi con; trong khi đó từ khoản tiền nhỏ nhất đến khoản tiền lớn đều do một tay chị P chăm lo cho con. Chị P đã rất vất vả lao động chăm lo cho chồng, cho con mà đến thời điểm này không được anh K công nhận mà anh K còn đòi hỏi hỗ trợ tiền cho anh K.

* Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 25-11-2022, chính quyền địa phương cung cấp như sau: Anh Lê Đắc K và chị Vũ Thị P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V vào ngày 25-11-2008; Thời điểm hiện nay chị P và anh K đang sống ly thân; cháu Lê Thị B, sinh ngày 27-8-2009 là con chung của chị P và anh K hiện nay đang sinh sống cùng anh K.

Tại phiên toà, chị P và anh K cùng thống nhất thoả thuận: Chị P cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 1-2023 đến khi cháu B thành niên lao động được và chị P hỗ trợ tiền nuôi con cho anh K trong thời gian chị đi lao động ở nước ngoài số tiền là 50.000.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị P và anh Lê Đắc K.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Thị B, sinh ngày 27-8-2009 cho anh Lê Đắc K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu B trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con tự nguyện của chị P là 1.500.000đ/ tháng đến khi cháu B trưởng thành, lao động tự lập được.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về tiền hỗ trợ trách nhiệm nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự về việc chị P hỗ trợ trách nhiệm nuôi con cùng anh K trong thời gian chị đi lao động ở nước Nga số tiền 50.000.000 đồng.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Vũ Thị P phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Đắc K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm 2, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị P và anh Lê Đắc K tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định ngày 25-11-2008, như vậy hôn nhân của chị P và anh K là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn sau đó chị P đi lao động ở nước Nga; tuy nhiên khi chị P về nước thì mâu thuẫn gia đình càng trầm trọng hơn, anh chị đã sống ly thân từ tháng 9-2011 đến nay. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống chị P và anh K không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh chị đã có thời gian sống ly thân dài. Như vậy, việc này trái với quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của chị P và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P, xử cho chị được ly hôn với anh K là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Con chung của chị P và anh K là cháu Lê Thị B, sinh ngày 27-8-2009; chị P và anh K thống nhất để anh K nuôi dưỡng cháu B. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu B có nguyện vọng được ở cùng bố, mặt khác giữa chị P và anh K đã thoả thuận anh K là người nuôi dưỡng cháu B. Vì vậy, giao cháu B cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu B, chị P, anh K và quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng, tại phiên toà anh K cũng nhất trí do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của anh chị, chị P cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K mỗi tháng 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 1-2023 đến khi cháu B trưởng thành, lao động tự lập được.

[4] Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Chị P và anh K đều xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tiền hỗ trợ trách nhiệm nuôi con: Anh Lê Đắc K yêu cầu chị P phải hỗ trợ cho anh khoản tiền 11 năm anh nuôi con khi chị P đi lao động ở Nga là 337.410.000 đồng; Tại phiên toà, chị P tự nguyện hỗ trợ anh K số tiền 50.000.000đ, anh K cũng nhất trí do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của anh chị: Chị P hỗ trợ tiền nuôi con cho anh K trong thời gian chị đi lao động ở nước Nga tổng số tiền là 50.000.000 đồng.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Vũ Thị P phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị P và anh Lê Đắc K.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị B, sinh ngày 27-8-2009 cho anh Lê Đắc K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu B trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Chị Vũ Thị P cấp dưỡng nuôi con cùng anh Lê Đắc K mỗi tháng 1.500.000đ, kể từ tháng 1-2023 đến khi cháu B trưởng thành, lao động tự lập được.

Chị Vũ Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng chị P không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Lê Đắc K.

3. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Vũ Thị P và anh Lê Đắc K: Chị Vũ Thị P hỗ trợ cho anh Lê Đắc K 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền nuôi con trong thời gian chị P đi lao động ở nước Nga.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Vũ Thị P phải nộp 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị P đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001509 ngày 04-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ và chị P phải nộp thêm 300.000 đồng

5. Quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị P và anh Lê Đắc K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành t heo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã T;
- Lưu HS,VP.

Bùi Thị Gấm